TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2019/DS-PT
Ngày: 05-4-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Ông Nguyễn Thế Hồng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2018/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 86/2019/QĐPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1978, cư trú tại: Khu phố X, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc C, sinh năm 1973, cư trú tại: Ấp L, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người có nghĩa vụ, quyền lợi liên quan:* Chị Võ Thị C1, sinh năm 1973, cư trú tại: Ấp L, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: Anh Nguyễn Quốc C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày:

Trước ngày 12/7/2017, anh có cho anh C vay 210.000.000 đồng có thỏa thuận miệng lãi suất 1.000.000 đồng = 4000 đồng/ngày. Khi vay thỏa thuận khoảng 10 ngày trả lại cho anh và ngày đưa tiền anh có lấy tiền lãi là 10.400.000 đồng. Đến hẹn trả nợ nhưng anh C không trả. Anh không nhớ ngày chính xác cho anh C vay 210.000.000 đồng vì giấy nợ ghi nợ do anh C giữ. Ngày 12/8/2017, anh C trả 80.000.000 đồng nên còn thiếu lại 130.000.000 đồng. Khi anh C trả 80.000.000 đồng là tiền vốn. Từ ngày anh cho anh C vay 210.000.000 đồng đến ngày 12/8/2017 thì ngoài số tiền lãi nhận khi cho anh C vay 10.400.000 đồng thì anh C không đóng lãi cho anh số tiền nào khác. Khi cho vay thì cho một mình anh C vay là một mình anh C nhận tiền.Trong đơn khởi kiện anh yêu cầu anh C, chị C1 liên đới trả cho anh số tiền vay còn nợ là 130.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 12/7/2017 đến ngày tòa đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm với mức lãi 1,7%/tháng. Trong quá trình tố tụng anh chỉ yêu cầu anh C trả cho anh số tiền vay còn nợ là 130.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 12/7/2017 đến ngày tòa đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm với mức lãi 1,5%/tháng.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Quốc C trình bày:

Ngày 12/8/2018, anh trả cho H tiền vốn 80.000.000 đồng và tiền lãi 25.200.000 đồng anh giao trực tiếp cho chị T1 và anh viết biên nhận nợ 130.000.000 đồng, trong biên nhận đưa cho chị T1 đem về chỉ một mình anh viết và ký tên còn nợ lại 130.000.000 đồng nhưng trong giấy xác nhận nợ có ghi chị T1 ký tên người bên cho mượn, thì bên mượn là anh và chị Phạm Thị Ngọc A, người chứng kiến là anh Nguyễn Văn H1. Khi mượn tiền trực tiếp một mình anh mượn của anh H, không có chị Ngọc A nhưng có nói chuyện qua điện thoại.

Trong giấy xác nhận nợ bản chính anh nộp cho tòa thì phần bên mượn có ghi "P dt lấy 30.000.000 đồng", do anh Nguyễn Văn P điện thoại lấy 30.000.000 đồng, yêu cầu trả thêm 30.000.000 đồng cho anh H và đưa 30.000.000 đồng cho chị T1 vào ngày 12/8/2017 để trả thêm cho anh H. Anh trả lãi 25.200.000 đồng, trả vốn 80.000.000 đồng và 30.000.000 đồng cho chị Bùi Thị T1 cùng một lúc và sau khi trả tiền thì anh viết giấy biên nhận và giấy xác nhận nợ vào ngày 12/8/2017. Do anh trả cho anh H 110.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi là 10.500.000 đồng + 25.200.000 đồng = 35.700.000 đồng nên anh không đồng ý theo yêu cầu của anh H.

Anh và chị Ngọc A còn nợ lại anh H là 100.000.000 đồng tiền nợ gốc nên anh chỉ đồng ý trả cho anh H phân nữa số tiền này là 50.000.000 đồng còn 50.000.000 đồng tiền vốn còn lại là nghĩa vụ của chị Ngọc A và yêu cầu khấu trừ lãi là 35.700.000 đồng (trên số tiền anh vay là 210.000.000 đồng). Đối với 30.000.000 đồng anh Nguyễn Văn P kêu đưa cho anh H, nếu tòa không chấp nhận yêu cầu của anh thì anh đồng ý, còn lại anh đồng ý trả lãi theo yêu cầu của anh H, nếu yêu cầu phù hợp với quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2018/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn anh Nguyễn Quốc C.

Buộc anh Nguyễn Quốc C phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Thanh H số tiền là 126.581.000 (một trăm hai mươi sáu triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2018/QĐ – BPKCTT ngày 23/4/2018 tiếp tục có hiệu lực cho đến khi có quyết định thay thế.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chị Võ Thị C1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng anh Nguyễn Quốc C tiền nợ vay và tiền lãi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/11/2018 bị đơn anh Nguyễn Quốc C kháng cáo yêu cầu hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2018/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, do không đưa chị Phạm Thị Ngọc A vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách bị đơn hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Quốc C cho rằng anh và chị Ngọc A cùng vay tiền của anh H căn cứ vào giấy xác nhận nợ ngày 12/8/2017 có chị Ngọc A ký tên bên mượn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chị Phạm Thị Ngọc A vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách bị đơn hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm. Xét thấy, các bên đương sự cùng thừa nhận có việc anh H cho anh C vay tiền. Căn cứ Biên nhận ngày 12/7/2017 anh C viết để bên anh H giữ có nội dung anh C còn nợ anh H số tiền 130.000.000 đồng và chỉ có anh C ký tên người mượn nợ. Giấy xác nhận nợ ngày 12/8/2017 do anh C giữ và không có chữ ký hay xác nhận của anh H mà chỉ có chị Bùi Thị T1 ký xác nhận nội dung anh C trả 80.000.000 đồng còn nợ lại anh Hùng 130.000.000 đồng, đồng thời anh C cũng thừa nhận việc giao nhận tiền vay chỉ có anh với anh H mà không có mặt chị Ngọc A. Trong quá trình giải quyết vụ án anh C cho rằng chị Ngọc A có liên quan nhưng anh không yêu cầu đưa chị Ngọc A vào tham gia tố tụng, cũng không cung cấp địa chỉ của chị Ngọc A nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đưa chị Ngọc A vào tham gia tố tụng là phù hợp không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác nên giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2018/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[2] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận anh Nguyễn Quốc C phải chịu là 6.329.000 đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.692.000 đồng cho anh Nguyễn Thanh H theo biên thu số 0016435 ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội; do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên anh Nguyễn Quốc C phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020879 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Quốc C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2018/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn anh Nguyễn Quốc C.

Buộc anh Nguyễn Quốc C phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Thanh H số tiền là 126.581.000 đồng (một trăm hai mươi sáu triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chị Võ Thị C1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng anh Nguyễn Quốc C tiền nợ vay và tiền lãi.

Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2018/QĐ – BPKCTT ngày 23/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện M.

Ông Nguyễn Thanh H được nhận lại số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trong tài khoản phong tỏa số 22311733 của Ngân hàng Kiên Long phòng giao dịch M tên chủ tài khoản là Nguyễn Thanh H.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Quốc C phải chịu là 6.329.000 đồng (sáu triệu ba trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.692.000 đồng (ba triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng) cho anh Nguyễn Thanh H theo biên thu số 0016435 ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Quốc C phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0020879 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Dũng